

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1551/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 13 tháng 10 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
thành phố Tuy Hòa đến năm 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 “Về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội”; số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP”; các Thông tư: số 03/2008/TT-BKH ngày 01 tháng 7 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư “Hướng dẫn thực hiện Nghị định 04/2008/NĐ-CP”; số 21/2007/TT-BNN ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, xung yếu và rất xung yếu của rừng phòng hộ, khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng giai đoạn 2006-2010 và định hướng đến năm 2015”;

Trên cơ sở các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên: số 770/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2008 “Về việc phê duyệt đề cương quy hoạch - dự toán kinh phí dự án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Tuy Hòa đến năm 2020”; số 1218/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2009 “Về việc thành lập Hội đồng thẩm định Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Tuy Hòa đến 2020”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư (tại Báo cáo 264/BC-SKH&ĐT ngày 24 tháng 8 năm 2010),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch, với các nội dung sau:

I. ĐẶC ĐIỂM QUY HOẠCH

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Tuy Hòa đến năm 2020.

2. Chủ quy hoạch: Ủy ban nhân dân thành phố Tuy Hòa.

II. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, chiến lược phát triển kinh tế cả nước và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Yên đến năm 2020.

2. Phát triển thành phố Tuy Hòa thành một đô thị giàu đẹp, văn minh, hiện đại, mang bản sắc đô thị biển, một cửa ngõ mới ra hướng Đông cho vùng Tây Nguyên; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, hệ thống kết cấu hạ tầng, tăng cường đầu tư chiều sâu về khoa học - công nghệ, lực lượng lao động, huy động hiệu quả các nguồn lực để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo bước đột phá mới.

3. Gắn tăng trưởng kinh tế với đảm bảo công bằng xã hội, nâng cao chất lượng sống dân cư, hạn chế sự chênh lệch giàu nghèo quá mức; sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường; gắn kết mối quan hệ phát triển hỗ trợ nhau giữa vùng nông thôn với vùng đô thị.

4. Gắn tăng trưởng kinh tế với đảm bảo quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội, giữ vững ổn định chính trị.

5. Tăng cường các mối quan hệ hợp tác đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát: Phát huy tối đa mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, xây dựng Tuy Hòa thành đô thị loại II, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh Phú Yên, đồng thời là trung tâm đào tạo, du lịch, nghỉ dưỡng, văn hóa, hội thảo, hội nghị của các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, có đóng góp ngày càng lớn vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Tăng trưởng nhanh, bền vững; phấn đấu cơ cấu kinh tế đến năm 2020 là dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp.

- Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, gia tăng phúc lợi, an sinh xã hội; mọi người dân đều có cơ hội tham gia quá trình phát triển, được chia sẻ từ thành quả phát triển, tạo nhiều việc làm mới, cải thiện môi trường làm việc; giữ gìn, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, tiếp thu những giá trị văn hóa mới, tiến bộ.

- Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, là khu vực phòng thủ vững chắc của tỉnh; có môi trường sinh thái ngày càng “xanh, sạch, đẹp”.

- Đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, đảm bảo trước năm 2015 cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại II; quy hoạch bố trí sắp xếp các khu chức năng hợp lý, mở rộng không gian, đầu tư chỉnh trang các khu đô thị cũ.

IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN

Chọn phương án 1 nêu trong Quy hoạch làm phương án phân đầu thực hiện: *Kế thừa, phát huy những kết quả đạt được, duy trì tốc độ tăng trưởng khá, đạt các tiêu chí của đô thị loại II vào trước năm 2015; sau 2015 không gian thành phố được mở rộng về phía Tây đến quốc lộ 1A.*

1. Công nghiệp - xây dựng:

Đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 20,2%/năm; tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ, trang bị kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, khuyến khích tạo điều kiện đầu tư phát triển các ngành điện tử, công nghệ thông tin, cơ khí chế tạo; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ chế tạo vật liệu mới; tạo điều kiện để các cơ sở sản xuất công nghiệp trong khu vực nội thành đầu tư đổi mới sử dụng công nghệ sạch không gây ô nhiễm môi trường, không mở rộng quy mô, đồng thời từng bước di dời các cơ sở này ra các khu công nghiệp tập trung; phát triển công nghiệp gắn với bảo môi trường bền vững.

2. Thương mại - Dịch vụ - Du lịch:

- Thương mại: Đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 23,5%/năm; hình thành đồng bộ các loại hình thương mại - dịch vụ, các loại thị trường: hàng hóa, dịch vụ, bất động sản, sức lao động, khoa học - công nghệ, tài chính,... vừa đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng tại chỗ vừa là đầu mối tiêu thụ, phân phối hàng hóa, dịch vụ đi các địa phương khác trong và ngoài tỉnh.

- Dịch vụ: Khuyến khích, tạo thuận lợi cho nhiều thành phần kinh tế tham gia sản xuất kinh doanh; chú trọng phát triển các hình thức bán hàng tự chọn, bán qua điện thoại, bán tại nhà, bán qua mạng,...; phát triển các loại hình dịch vụ: phục vụ du lịch, tài chính - ngân hàng; tư vấn; viễn thông; giáo dục - đào tạo; y tế chăm sóc sức khỏe; du lịch; vận tải, giao nhận, ký gửi, kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, cao ốc, cho thuê tài chính,...

- Du lịch: Khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của đô thị biển, di tích lịch sử, văn hóa ẩm thực và các lễ hội đặc trưng, xây dựng hệ thống khách sạn, nhà hàng đạt chuẩn quốc tế để phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, tâm điểm thu hút khách của tỉnh.

3. Nông - lâm nghiệp, thủy sản:

- Nông nghiệp: Đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 5%/năm; phát triển theo hướng sinh thái, hình thành các vùng sản xuất lúa chất lượng cao, hoa, cây cảnh, rau sạch, phát triển chăn nuôi quy mô lớn gắn với các cơ sở chế biến ở các xã ngoại thành, tăng hộ nông dân sản xuất đa dạng, giảm sản xuất lúa thuần túy; đẩy mạnh công tác khuyến nông, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nông dân.

- Lâm nghiệp: Quan tâm đến việc trồng rừng trên các ngọn đồi núi nhằm duy trì và tái tạo hệ sinh thái động thực vật đang có nguy cơ mất dần, cải tạo khí hậu tiểu vùng, tạo cảnh quan phục vụ du lịch nghỉ mát,...

- Thủy sản: Sắp xếp lại ngành nghề khai thác thủy sản phù hợp với ngư trường, nguồn lợi, khuyến khích phát triển đánh bắt xa bờ; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cũng như đào tạo nguồn nhân lực, phát triển rộng hệ thống trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá.

4. Cải thiện đồng bộ, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng kỹ thuật:

Tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng, bảo đảm điều kiện tiện nghi hạ tầng cần thiết, nâng thành phố Tuy Hòa lên đô thị loại II; kết hợp cải tạo, chỉnh trang khu vực nội thành hiện hữu, xây dựng các khu đô thị mới đảm bảo các chỉ tiêu về quy hoạch, kỹ thuật đô thị, kiến trúc, tiện ích công cộng và các chỉ tiêu khác của một đô thị hiện đại, văn minh; đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, nâng cấp một số xã thành phường, hình thành các khu dân cư mới.

5. Về xã hội:

Duy trì tốc độ tăng dân số tự nhiên bình quân 1-1,1%/năm; giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn 10% năm 2010; 5% năm 2015 và nhỏ hơn 2% năm 2020; tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng hàng năm đạt 100%; duy trì vững chắc kết quả đạt chuẩn quốc gia về phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập THCS, phấn đấu đạt chuẩn quốc gia về phổ cập trung học phổ thông trước năm 2015; tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2010: 45%; năm 2015: 61%; năm 2020: 75%; giảm tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2010 xuống còn 4%; năm 2020 cơ bản không còn hộ nghèo, hạn chế khả năng tái nghèo và nâng cao chất lượng cuộc sống cho các hộ nghèo, gia đình chính sách; mỗi năm tạo việc làm mới cho từ 4.500-5.000 lao động, hạ thấp tỷ lệ thất nghiệp hàng năm đến năm 2020 dưới 3,5%; chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành nghề, đến năm 2020 lao động nông nghiệp chiếm khoảng 8,5-9% tổng lao động xã hội; đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, dân số đô thị năm 2010 chiếm 82%, năm 2015: 84,4% và năm 2020: 87% tổng dân số.

6. Về môi trường:

Tỷ lệ che phủ của rừng năm 2020: 47%; tỷ lệ dân số thành phố sử dụng nước máy năm 2010: 98%, năm 2015: 100%; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch qua xử lý năm 2010: 80%, năm 2015: 90% và năm 2020: 100%; tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt đô thị đạt 90% năm 2010; 95% năm 2015 và 100% năm 2020; tỷ lệ các cơ sở sản xuất xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 80% năm 2010, 100% năm 2015; tỷ lệ hộ gia đình có công trình vệ sinh: 88% năm 2010; 100% năm 2015.

Xem Biểu 1 - Các chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu đến năm 2020 tại Phụ lục kèm Quyết định này.

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH VÀ LĨNH VỰC

1. Các ngành kinh tế:

a) Thương mại - Dịch vụ - Du lịch:

Phát triển trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; tiếp tục phát huy lợi thế của đô thị, trung tâm giao thông của tỉnh để phát triển mạnh và hiện đại các hoạt động thương mại - dịch vụ, đưa Tuy Hòa thành một trong những trung tâm phát triển dịch vụ lớn của tỉnh và vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2006-2020: 23-24%/năm, trong đó: giai đoạn 2006-2010: 23,91%/năm, giai đoạn 2011-2015: 22,4%/năm; giai đoạn 2016-2020: 24%/năm.

- Thương mại:

+ Phát huy tiềm năng các thành phần kinh tế trong hoạt động thương mại, khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi chủ thể tự do kinh doanh theo cơ chế thị trường và đúng pháp luật; tiếp tục củng cố, sắp xếp lại mạng lưới thương nghiệp bảo đảm gắn kết ổn định và đa dạng từ sản xuất đến tiêu dùng, hình thành mối liên kết giữa các doanh nghiệp với người sản xuất, phát triển các hình thức bán hàng tiên tiến (tự chọn, bán qua điện thoại, bán tại nhà, bán qua mạng...);

+ Tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, ổn định giá cả, chống sản xuất - buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, chống đầu cơ lũng đoạn thị trường, buôn lậu, trốn thuế; xây dựng hệ thống thông tin thị trường ổn định, vững chắc làm định hướng sản xuất;

+ Trên cơ sở các mặt hàng xuất khẩu truyền thống: hải sản, may mặc, thủ công mỹ nghệ... tiếp tục đầu tư chiều sâu, nâng cao chất lượng, cải tiến mẫu mã, tăng cường kiểm tra vệ sinh thực phẩm, hỗ trợ tìm kiếm mở rộng thị trường, đăng ký thương hiệu, mở rộng thị trường xuất nhập khẩu; khuyến khích đầu tư một số ngành hàng có tiềm năng xuất khẩu mới;

+ Khuyến khích, tạo điều kiện các thành phần kinh tế đầu tư xây mới các trung tâm thương mại, siêu thị (vừa và nhỏ tại các phường và lớn tại khu đô thị mới Nam Tuy Hòa);

+ Phối hợp củng cố, sắp xếp lại hệ thống chợ hiện có phù hợp nhu cầu xã hội, chú trọng: đầu tư hoàn thiện, khai thác hiệu quả chợ Tuy Hòa; cải tạo, nâng cấp chợ Phú Lâm (thành chợ loại II); cải tạo, nâng cấp các chợ: Phước Hậu, Màng Màng, Xuân Triều, Hàm Nước, chợ Xéo, chợ khu phố 6 (phường Phú Đông); di dời các chợ: Minh Đức, Ngọc Lãng, Phú Thạnh, chợ đường Trần Phú, chợ Dốc đến các vị trí quy hoạch; giải tỏa các chợ: Bắc Lý, chợ phường 6; sớm hoàn thành đầu tư xây dựng đưa chợ phường 7 vào hoạt động; xây mới chợ Chính Nghĩa, chợ cá phường 6 và trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Đông Tác;

+ Chinh trang, cải tạo nội thất, xây dựng mới, khai thác hiệu quả các cửa hàng, cửa hiệu trên các đường phố chính (Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Lê Thánh Tôn, Bạch Đằng, Hùng Vương...); hướng tới hình thành một số tuyến phố chuyên doanh văn minh thương mại: hàng may mặc, hàng nội thất, hàng lưu niệm, tư liệu sản xuất...

- Các ngành dịch vụ:

+ Tài chính - ngân hàng: Phối hợp, tạo điều kiện hình thành hệ thống ngân hàng hoạt động đa năng, hiệu quả, đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế, có năng lực cạnh tranh, hội nhập hệ thống ngân hàng thế giới; khuyến khích phát triển các hình thức ngân hàng cổ phần, tín dụng ngoài quốc doanh, tạo thuận lợi cho các ngân hàng ngoài quốc doanh, các ngân hàng nước ngoài mở chi nhánh tại thành phố Tuy Hòa, phát triển thị trường và dịch vụ tiền tệ; mở rộng và đa dạng hóa các dịch vụ tiện ích ngân hàng và bảo hiểm đến cấp cơ sở;

+ Bưu chính, viễn thông: Phối hợp và tạo điều kiện phát triển các trạm viễn thông và các dịch vụ bưu cục đảm bảo bán kính phục vụ tối ưu nhất; phát triển mạnh các dịch vụ như điện thoại đường dài VoIP giá rẻ, điện thoại internet PC to phone, điện thoại di động, internet tốc độ cao, không dây (wifi)...

+ Vận tải: Tiếp tục nâng cao năng lực vận tải; mở rộng mạng lưới xe buýt từ thành phố đi các huyện; xây dựng khu dịch vụ vận tải tổng hợp tại xã An Phú; phối hợp và tạo điều kiện khai thác tốt ga hàng không, ga xe lửa Tuy Hòa để phát triển dịch vụ vận chuyên hàng hóa, hành khách;

+ Các dịch vụ khác: Phát triển có chọn lọc, lành mạnh các dịch vụ: khoa học công nghệ, kinh doanh bất động sản, thông tin kinh tế, hướng nghiệp, đào tạo nghề; khuyến nông, khuyến ngư; tư vấn tìm kiếm việc làm, tìm kiếm đối tác, tìm kiếm thị trường và các dịch vụ xã hội khác...

- Du lịch:

+ Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đa dạng hóa các sản phẩm và hoạt động dịch vụ phục vụ du lịch;

+ Nâng cao chất lượng hệ thống cơ sở vật chất chuyên ngành du lịch theo tiêu chuẩn quốc tế, hình thành hệ thống khách sạn, các khu vui chơi, hội nghị, hội thảo hiện đại; tạo điều kiện để các chủ khách sạn hoạt động, khai thác hiệu quả các khách sạn đã có; tổ chức quy hoạch gắn với đầu tư xây dựng bãi biển Tuy Hoà thành bãi biển du lịch hiện đại; hỗ trợ đầu tư, khai thác hiệu quả các khu du lịch resort hiện có; tạo điều kiện thuận lợi đẩy nhanh tiến độ xây dựng các khu dịch vụ du lịch đang đầu tư; tôn tạo khu sinh thái cảnh quan Nhạn Tháp, khuyến khích, kêu gọi đầu tư khai thác khu sinh thái núi Chóp Chài, khu du lịch Đá Bàn tạo thành chuỗi du lịch liên hoàn;

+ Triển khai đầu tư theo quy hoạch xây dựng các cụm kinh tế nhà vườn tại Bình Ngọc, Bình Kiến kết hợp phục vụ phát triển du lịch;

+ Tăng cường liên doanh liên kết với các địa phương trong tỉnh và các tỉnh, thành trong nước, nhất là các thành phố: Nha Trang, Quy Nhơn để đầu tư cơ sở hạ tầng và tổ chức tour du lịch qua địa bàn; phối hợp với tỉnh tổ chức thành công Năm Du lịch quốc gia - 2011.

b) Công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp - xây dựng:

Nâng dân vị thế công nghiệp thành phố Tuy Hòa trong công nghiệp của tỉnh, vùng duyên hải Nam Trung Bộ và cả nước; phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 20-21%/năm, trong đó: giai đoạn 2006-2010: 24,8%/năm, giai đoạn 2011-2015: 19,7%/năm, giai đoạn 2016-2020: 16,5%/năm.

*** Hướng phát triển các ngành, sản phẩm công nghiệp chủ yếu:**

- Công nghiệp công nghệ cao: Tạo điều kiện sớm hoàn thành, đưa vào hoạt động Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh; khuyến khích, tạo thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất linh kiện điện tử, lắp ráp mặt hàng điện tử dân dụng công suất khoảng 20 nghìn sản phẩm/năm; kêu gọi đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi, thiết bị viễn thông, thiết bị quang học, lắp ráp điện tử dân dụng, xây dựng trung tâm sản xuất phần mềm khi có điều kiện thuận lợi;

- Công nghiệp hóa dược: Tạo điều kiện để các nhà máy sản xuất dược phẩm nâng cao hiệu quả hoạt động, đổi mới dây chuyền công nghệ, đa dạng sản phẩm; phối hợp gọi vốn đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất chất tẩy rửa, hóa chất mỹ phẩm tại các vùng ngoại ô;

- Sản xuất đồ uống, nước giải khát, thực phẩm: Tạo điều kiện cho các nhà máy: Bia Sài Gòn - Phú Yên, nước khoáng Phú Sen, nước giải khát tăng lực Rhino, chế biến hạt điều phát huy tối đa năng lực sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm, chiếm lĩnh thị trường tiêu thụ; khuyến khích đầu tư các nhà máy: sản xuất nước giải khát từ hoa quả, cây dược liệu, sản xuất thức ăn công nghiệp, chế biến thực phẩm ăn liền, sản xuất nước đóng chai;

- Ngành công nghiệp cơ khí, chế tạo: Hỗ trợ, tạo điều kiện triển khai (giai đoạn 2) nhà máy Đóng - sửa chữa tàu (tại phường Phú Đông); mở rộng lĩnh vực hoạt động xưởng lắp ráp, sửa chữa ô tô, xe máy của Công ty Đầu tư - Phát triển Phú Yên; khuyến khích phát triển các ngành cơ khí phụ trợ phục vụ cho công nghiệp ô tô, xe máy, đóng tàu thuyền;

- Công nghiệp sản xuất phân phối điện, nước: Phối hợp đầu tư hiện đại hóa hệ thống lưới điện; nâng công suất nhà máy Nước thành phố Tuy Hòa, cải tạo hệ thống đường ống để hạn chế tối đa sự thất thoát, lãng phí trong quá trình truyền dẫn; khuyến khích, kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư nghiên cứu phát triển các nguồn năng lượng mới: mặt trời, gió, sóng biển, địa nhiệt, xây dựng các nhà máy sản xuất nước đóng chai;

- Công nghiệp dệt may, giày da và hàng tiêu dùng: Tạo điều kiện các cơ sở may công nghiệp đầu tư hiện đại dây chuyền máy móc thiết bị, chuyển dần hình thức may gia công sang may hoàn chỉnh, nâng cao năng lực xuất khẩu; khuyến khích, kêu gọi đầu tư xây dựng các nhà máy: sản xuất nguyên, phụ liệu ngành may mặc; dệt, nhuộm hoàn chỉnh và may xuất khẩu (công suất 10 triệu mét và 5 triệu sản phẩm/năm); sản xuất các sản phẩm từ da, giả da (công suất khoảng 2 - 5 triệu sản phẩm/năm); sản xuất đồ nhựa dân dụng, công nghiệp và sản xuất bao bì;

- Công nghiệp sản xuất - chế biến vật liệu xây dựng: Khuyến khích đầu tư xây dựng các nhà máy: sản xuất mặt bàn kính gương, các loại vật liệu xây dựng không nung, cấu kiện bê tông đúc sẵn; sản xuất gạch ceramic chất lượng cao;

- Chế biến hải sản: Hạn chế phát triển số lượng, tạo điều kiện các nhà máy hiện có tăng năng lực chế biến, đổi mới kỹ thuật bảo quản, chuyển mạnh từ xuất khẩu dưới dạng thô sang xuất khẩu các sản phẩm có giá trị cao;

- Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp nông thôn: Tích cực nhân rộng, phát triển sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ từ gỗ, vỏ hải sản, vỏ gáo dừa, chạm trổ xà cừ, điêu khắc...; hỗ trợ vốn để làng nghề sản xuất dế tại Ngọc Lãng (xã Bình Ngọc) phát triển nhằm giải quyết việc làm cho lao động nông thôn; tiếp tục phối hợp với các trung tâm đào tạo, các trường dạy nghề trong tỉnh phát triển một số ngành nghề mới tại khu vực nông thôn để giải quyết lao động nông nhàn.

*** Tổ chức không gian sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:**

- Hạn chế mở rộng công suất các nhà máy nằm trong nội thành: Bia Sài Gòn - Phú Yên, Nước khoáng Phú Sen, Thuốc tây (Công ty Dược và Công ty Thái Lan); hỗ trợ để các nhà máy này đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, chuyển sang sử dụng công nghệ sạch; khi có điều kiện tạo điều kiện để di chuyển ra các khu công nghiệp nhằm hạn chế ô nhiễm, tạo kiến trúc cảnh quan cho thành phố;

- Khu công nghiệp An Phú: Kiến nghị tỉnh tiếp tục đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng, hạn chế phát triển theo chức năng hiện có, khuyến khích các nhà máy sử dụng công nghệ sạch; dần chuyển thành khu công nghệ cao khi điều kiện thuận lợi;

- Các cụm điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Đầu tư xây dựng điểm công nghiệp sửa chữa - đóng mới tàu thuyền Phú Đông; điểm công nghiệp Tây An Phú;

c) Nông - lâm nghiệp, thủy sản:

Duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân từ 5% - 5,2/năm, trong đó: giai đoạn 2006-2010: 5,11%/năm; giai đoạn 2011-2015: 5,05%/năm và giai đoạn 2016-2020: 5,0%/năm;

- Nông nghiệp: Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp sạch, hình thành các vành đai sản xuất xanh, sạch ven đô; đến năm 2020, diện tích trồng lúa 4.000 ha, bắp 250ha; rau, đậu: 1.200-1.300ha; hoa và cây cảnh: 100ha; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, đến năm 2020: đàn bò: 1.300 con, đàn heo 35.000 con; số lượng gia cầm tăng bình quân 7,5 - 8%/năm;

- Lâm nghiệp: Tổ chức quản lý và bảo vệ tốt diện tích rừng; quan tâm đặc biệt đến việc trồng rừng trên núi Nhạn, núi Chóp Chài, các dãy núi phía Tây Bắc thành phố;

- Thủy sản: Duy trì sản lượng đánh bắt hàng năm 7.000-8.000 tấn, trong đó cá ngừ đại dương chiếm 60-70% tổng sản lượng; xây dựng trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Phú Yên (tại Đông Tác, phường Phú Đông); khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư các cơ sở chế biến sản phẩm cá ngừ đại dương đạt tiêu chuẩn xuất khẩu; phát triển hệ thống thông tin liên lạc giữa đất liền với biển; hình thành các đội tàu cứu hộ, cứu nạn trên biển; tăng cường khuyến ngư, quản lý tàu thuyền, xử lý nghiêm minh tàu thuyền không chấp hành qui định về đăng ký, đăng kiểm; huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng các khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão (tại Đông Tác, phường Phú Đông); ngăn chặn hiệu quả việc sử dụng các công cụ đánh bắt hủy diệt; khuyến khích các chủ phương tiện nâng công suất tàu thuyền, mở rộng ngư trường đánh bắt, đào tạo lao động.

2. Các lĩnh vực xã hội:

a) Dân số, lao động, việc làm, giảm nghèo:

- Duy trì tốc độ tăng dân số tự nhiên giai đoạn giai đoạn bình quân 2011-2015: 1,1%/năm và ổn định ở mức 1,0%/năm giai đoạn 2016-2020;

- Bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho khoảng 4,5 - 5 nghìn người, phấn đấu khống chế tỷ lệ thất nghiệp hàng năm đến năm 2020 dưới 3,5%; đến năm 2020 lao động nông nghiệp còn 8,5 - 9% tổng lao động làm việc trong các ngành kinh tế;

- Phấn đấu hàng năm giảm từ 0,6 - 0,8% hộ nghèo (tương đương từ 244 - 477 hộ/năm), đến năm 2010 còn 4%, năm 2018 cơ bản không còn hộ nghèo; nâng cao mức sống các hộ đã thoát nghèo, hạn chế tình trạng tái nghèo, đồng thời giúp đỡ các hộ cận nghèo ổn định cuộc sống, phát triển vươn lên.

b) Giáo dục - Đào tạo:

* *Giáo dục:*

- Duy trì kết quả chuẩn quốc gia về phổ cập giáo tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập THCS; đẩy mạnh chương trình phổ cập THPT đảm bảo trước năm 2015 hoàn thành cơ bản chương trình này.

+ Nâng tỷ lệ trẻ em dưới 3 tuổi đến nhà trẻ đạt 40% năm 2010; 60% năm 2015 và trên 85% năm 2020; trẻ từ 3 đến 5 tuổi đến lớp mẫu giáo đạt 90% năm 2010, 95% năm 2015 và 98% năm 2020, trong đó số cháu 5 tuổi vào mẫu giáo lớn hàng năm đạt 100%;

+ Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1, duy trì, giữ vững 100% học sinh đến lớp trong suốt thời gian học chương trình tiểu học;

+ Huy động học sinh trong độ tuổi 11-14 đến trường THCS đạt 98% năm 2010 và 100% năm 2020;

+ Huy động học sinh trong độ tuổi 15-17 đến trường đạt 70% năm 2010 và trên 80% năm 2020 (số học sinh còn lại vào các trường trung học nghề, trung học phổ thông kỹ thuật);

- Đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hoá giáo viên, tạo điều kiện cập nhật thông tin mới, nâng cao nhận thức, năng lực chuyên môn và sư phạm; phấn đấu đến năm 2010 có 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn sư phạm;

- Sớm hoàn thành chương trình kiên cố hóa trường học, lớp học bảo đảm theo đúng chuẩn sư phạm có sân chơi, bãi tập; tiếp tục phát triển các phòng học, trường mới tại các khu vực có nhu cầu lớn để đến năm 2015 đủ số phòng học 2 buổi/ngày; phấn đấu số lượng trường đạt chuẩn quốc gia tăng bình quân từ 5 - 6%/năm, đến năm 2020 tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 95-98%;

** Đào tạo:*

Phần đầu bình quân mỗi năm đào tạo khoảng 6.000 người (gồm cả đào tạo mới và đào tạo lại), trong đó: giai đoạn 2009-2010 bình quân 1,5 nghìn lao động/năm, giai đoạn 2011-2015: bình quân 3,6 nghìn lao động/năm, giai đoạn 2016-2020 bình quân 8,6 nghìn lao động/năm; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2010: 45%; năm 2015: 61% và năm 2020 đạt trên 75%.

c) Y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng:

Phối hợp ngành Y tế tỉnh, các nhà đầu tư nâng cấp mở rộng, xây mới các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa, phòng khám, đảm bảo đến năm 2020 trên địa bàn có đầy đủ cơ bản các cơ sở y tế trong hệ thống y tế cả nước với các trang thiết bị khám chữa bệnh tiên tiến, hiện đại, chuẩn hóa; đầu tư xây dựng lại 4 trạm y tế (tại các phường: Phú Thạnh, Phú Đông, Phú Lâm và Phước Hậu mới); số lượng giường bệnh/vạn dân: năm 2010: 58 giường; năm 2015: 70 giường và năm 2020: 100 giường.

d) Văn hóa - thông tin:

- Phần đầu đến năm 2020 có trên 92% hộ gia đình, trên 80% thôn, khu phố, 60% phường, xã đạt chuẩn văn hóa;

- Xây dựng thư viện thiếu nhi thành phố, đài tưởng niệm liệt sỹ, bia tưởng niệm di tích nhà tù Ngọc Lãng; cải tạo, xây dựng các trung tâm Văn hóa xã, các điểm sinh hoạt thôn - khu phố; công viên Vạn Kiếp, Hồ Sơn, Liên Trì, công viên trung tâm gắn với hồ điều hòa; hoàn thiện công viên núi Nhạn, mở rộng Quảng trường 1 tháng 4...; hoàn thành đưa vào sử dụng sân vận động và trung tâm thể thao thành phố; quy hoạch đầu tư xây dựng sân vận động tại các xã có điều kiện, đảm bảo sau năm 2015 100% xã có sân vận động; khuyến khích các phường dành quỹ đất xây dựng các khu tập thể dục - thể thao tạo điều kiện rèn luyện sức khỏe cộng đồng; tiếp tục đưa các hoạt động thể dục thể thao vào các công sở, trường học, duy trì và phát triển các môn thể thao truyền thống gắn với văn hóa, lễ hội ở mỗi địa phương; phần đầu năm 2010, có 30% dân số tập thể dục thể thao thường xuyên và năm 2020: 50 - 60%.

3. Khoa học - công nghệ:

Huy động tối đa các nguồn lực xã hội đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và đội ngũ cán bộ, từng bước xây dựng Tuy Hòa trở thành địa phương có tiềm lực mạnh về nghiên cứu - ứng dụng triển khai các tiên bộ khoa học kỹ thuật; lựa chọn phát triển một số công nghệ trọng điểm: thông tin - truyền thông; sinh học; vật liệu tiên tiến; tự động hóa và cơ điện tử; cơ khí - chế tạo máy; bảo quản và chế biến nông sản, thực phẩm; áp dụng công nghệ năng lượng mới, sử dụng năng lượng tái tạo và tiết kiệm năng lượng (pin mặt trời, điện gió, biogas,...) phục vụ nhu cầu dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội.

4. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng:

a) Hệ thống giao thông-vận tải:

* Đường bộ:

- Giao thông đối ngoại: Phát triển gắn kết với hệ thống giao thông tỉnh và cả nước, lấy trục quốc lộ 1A (mới), quốc lộ 25, ĐT645 làm trục chính, tạo hành lang quan hệ với các tỉnh, thành ở hai đầu Bắc-Nam và vùng Tây Nguyên; kiến nghị, phối hợp với Trung ương, tỉnh đầu tư nâng cấp, kéo dài các tuyến: quốc lộ 25, ĐT645, tuyến ven biển Lê Duẩn - Long Thủy; tuyến Tuy Hòa - Vũng Rô; tuyến nối thành phố Tuy Hòa (từ xã Hòa Kiến) đến Tuy An - Sơn Hòa (xã lộ 20 kéo dài), chiều dài tuyến 50km; tuyến từ Bình Kiến - An Thọ (huyện Tuy An), dài 13km; tuyến từ Hòa Kiến - kênh N1 - Phú Hòa, dài 20km; tuyến đường cao tốc nối sân bay Tuy Hòa đến khu vực gành Đá Dĩa; phối hợp đầu tư xây dựng điểm giao cắt khác cốt giữa đường Hùng Vương với đường sắt Bắc-Nam...;

- Giao thông đối nội:

+ Đường nội thành: Phát triển về phía Bắc, đầu tư mới hệ thống đường dạng ô mạng cờ; lấy các trục đường Hùng Vương, Trường Chinh, Lê Duẩn, Độc Lập, Nguyễn Trãi, Duy Tân làm trục chính theo hướng Bắc-Nam, các trục đường Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Trần Phú và đường Nguyễn Hữu Thọ làm trục chính theo hướng Đông-Tây, nối với các khu chức năng trong thành phố; đến năm 2010 nhựa và bê tông hóa 60% đường nội thành, đến năm 2017 đạt 100%; đầu tư nâng cấp, khai thông nối dài tất cả các tuyến đường ngang, dọc đã được quy hoạch: Lê Trung Kiên, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Thái Học, Trần Quý Cáp, Trần Bình Trọng, Nguyễn Trãi, Ngô Quyền, Trần Quốc Toản, Lương Văn Chánh, Chu Văn An, Lê Quý Đôn, Hai Bà Trưng, Duy Tân...; kéo dài đường Lê Lợi đến đường Trường Chinh và công viên Vạn Kiếp; thông tuyến đường Trần Phú, đường Nguyễn Hữu Thọ đến giáp tuyến quốc lộ 1A mới để điều tiết mật độ giao thông các tuyến Trần Hưng Đạo, Hải Dương...; hoàn thành đường Bạch Đằng giai đoạn 2 để xây dựng các công viên dọc kè, công viên dưới chân núi Nhạn; xây dựng đường bờ kè Nam sông Đà Rằng (khu đô thị Nam thành phố Tuy Hòa); nâng cấp, mở rộng đại lộ Nguyễn Tất Thành, đường Lạc Long Quân, Ngô Gia Tự, đường 3 tháng 2 (ở các phường: Phú Lâm, Phú Thạnh) kết hợp đầu tư xây dựng đường chiếu sáng; xây dựng đường số 14 (đoạn từ quốc lộ 1A đến Độc Lập); tiếp tục bê tông hóa vỉa hè, lắp đặt đầy đủ các hệ thống biển báo, các cụm đèn chỉ dẫn giao thông ở các ngã tư có mật độ giao thông đông; giải tỏa thông thoáng các góc đường bị che chắn tầm nhìn, các đường cứu hỏa bị lấn chiếm;

+ Đường ngoại thành: Đầu tư nâng cấp tuyến đường đi nghĩa trang Thọ Vực (xã Hòa Kiến);

* *Đường sắt*: Kiến nghị, phối hợp ngành Đường sắt đầu tư nâng cấp tuyến Bắc-Nam đi qua địa bàn, nâng cấp, hiện đại hóa ga Tuy Hòa thành ga cấp 2; xây dựng tuyến đường sắt Phú Yên-Tây Nguyên, nghiên cứu đầu tư tuyến đường sắt tải nhẹ trên cao (tại khu đô thị mới Nam thành phố Tuy Hòa);

* *Đường hàng không*: Phối hợp đầu tư nâng cấp, mở rộng sân bay Tuy Hoà đảm bảo đến năm 2015 đạt CHK cấp 4C (theo tiêu chuẩn ICAO) và sân bay quân sự cấp 1; tiếp tục nâng cấp thành sân bay quốc tế khi có đủ điều kiện cần thiết; đồng thời, kiến nghị Chính phủ cho phép nâng tần suất bay, mở rộng đường bay đến các thành phố lớn trong nước: Đà Nẵng, Hà Nội...;

* *Đường thủy*: xây dựng các bến đậu taxi thủy (sức chứa nhỏ hơn 20 người) và tàu thuyền (sức chứa lớn hơn 20 người) ở dọc bờ kè Nam sông Đà Rằng (phía Đông Bắc khu đô thị mới Nam thành phố Tuy Hòa); nâng cấp, mở rộng cảng cá Đông Tác, đáp ứng nhu cầu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão;

* *Bến, bãi đỗ xe, dịch vụ giao thông vận tải*: Nâng cấp, hoàn thiện kết cấu hạ tầng bến xe phường Phú Lâm, bến xe nội thành; khuyến khích, kêu gọi đầu tư xây dựng: bến xe chất lượng cao (tại phường 8), các bãi đỗ xe (tại phường Phú Lâm, Bình Kiến...; quy mô 5-10 ha/bãi), khu dịch vụ tổng hợp giao thông vận tải (ở phía Bắc thành phố Tuy Hòa).

b) Hệ thống bưu chính, viễn thông:

Nâng tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại lên 30 máy/100 dân năm 2010; 60 máy/100 dân năm 2015 và trên 70 máy/100 dân vào năm 2020; tỷ lệ dân số sử dụng internet/tổng dân số: năm 2010: 20%, năm 2015: 35% và năm 2020: 40%.

c) Hệ thống lưới điện:

Quy hoạch sắp xếp lại hệ thống phù hợp không gian kiến trúc đô thị mới; tiếp tục đầu tư nâng cấp đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định cho sản xuất và đời sống; cải tạo, nâng cấp hệ thống chiếu sáng hiện hữu, đầu tư hệ thống chiếu sáng ở các vùng đô thị mới: Bình Kiến, Bình Ngọc, An Phú và các tuyến đường mới: đường Lê Duẩn-Long Thủy, đường Trần Phú, đường Nguyễn Hữu Thọ, Hùng Vương-Vũng Rô, đường Bạch Đằng...; tiếp tục thực hiện đề án chiếu sáng hẻm phố theo phương châm “nhà nước và nhân dân cùng làm”, đến trước năm 2015 có 100% hẻm phố được chiếu sáng.

d) Hệ thống cấp, thoát nước và xử lý rác thải:

- Cấp nước sạch: Kiến nghị, phối hợp với tỉnh đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước sạch đến các khu dân cư trên địa bàn và các vùng phụ cận; tuyên truyền, vận động nhân dân sử dụng nước sạch đảm bảo đến năm 2016 có 100% dân số cơ bản sử dụng nước sạch; trong đó: năm 2010 cơ bản có 100% dân số đô thị được sử dụng nước máy;

- Thoát nước:

+ Khu vực đô thị: Kiến nghị, phối hợp với tỉnh đẩy nhanh tiến độ đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước đô thị, xây dựng đề án tách thoát nước mưa, thoát nước thải riêng; đảm bảo đến trước 2012 thành phố có hệ thống thoát nước mưa hoàn chỉnh, đến năm 2020 có hệ thống thoát nước sinh hoạt riêng;

+ Khu vực nông thôn: Xây dựng hệ thống thoát nước chung (cống, rãnh, mương tiêu) đảm bảo các điểm dân cư đông đúc có hệ thống thoát nước;

- Xử lý rác thải: nghiên cứu lập thiết chế vệ sinh môi trường đến cấp phường, xã; quy hoạch, đầu tư xây dựng các bãi tập kết, phương tiện thu gom đựng rác, bảo đảm các điều kiện vệ sinh tại các điểm dân cư và nơi công cộng; thu gom rác thải bằng các phương pháp tiên tiến, đưa về điểm xử lý rác-chất thải rắn tập trung (tại khu vực Thọ Vực).

e) Hệ thống thủy lợi:

Kiến nghị, phối hợp với tỉnh xây dựng kè 2 bờ sông Đà Rằng (phần còn lại) và hệ thống kè ven biển từ phường Phú Đông đến xã An Phú, đồng thời nâng nền thích hợp cho phần diện tích đất liền bên trong kè để chỉnh trang các khu dân cư phát triển du lịch.

5. Lĩnh vực quốc phòng - an ninh:

- Phát huy truyền thống đoàn kết của hệ thống chính trị, nêu cao ý thức tự lực, tự cường, khai thác mọi nguồn lực, tận dụng thời cơ, đẩy mạnh thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược, xây dựng nền quốc phòng-an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ thành phố ngày càng vững chắc.

- Chủ động phòng ngừa bằng các biện pháp đấu tranh đồng bộ, làm thất bại các âm mưu “diễn biến hòa bình” và “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch, đẩy lùi, khắc phục mọi nguy cơ, bảo vệ vững chắc địa bàn.

- Mở rộng, phát huy vai trò các đội dân phòng xã, phường; tăng cường đấu tranh ngăn ngừa, tuần tra, nhất là ở các khu vực có các tệ nạn xã hội, giảm thiểu tai nạn giao thông...; xây dựng thành phố Tuy Hòa thành đô thị văn minh, an toàn.

- Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng - an ninh:

+ Phát triển một số ngành, lĩnh vực vừa làm kinh tế vừa đảm nhận nhiệm vụ quốc phòng an ninh: công nghiệp đóng tàu, thông tin liên lạc, đội tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu tuần tra kiểm soát cứu hộ, cứu nạn trên biển...

+ Xây dựng hoàn chỉnh các công trình theo kế hoạch an ninh - quốc phòng: phòng thủ ven biển (tuyến đường Độc Lập-Long Thủy, cầu cảng Hải đội 2); trận địa phòng không.

+ Đầu tư xây dựng mới cơ quan Quân sự thành phố (tại phường 8); phối hợp tinh di dời trại tạm giam đến vị trí thích hợp.

6. Tổ chức không gian lãnh thổ và đơn vị hành chính:

Lập đề án, kiến nghị trình Chính phủ:

a) Không gian lãnh thổ: Phát triển, mở rộng theo các hướng:

- Phía Nam, phía Bắc: Cơ bản giữ ranh giới như hiện tại; nghiên cứu giai đoạn sau 2020 - khi có điều kiện - phát triển phía Bắc đến xã An Mỹ (sáp nhập các xã: An Mỹ và An Chấn của huyện Tuy An vào thành phố Tuy Hòa); phát triển các chức năng vùng ngoại thành hỗ trợ phát triển khu vực nội thành;

- Phía Tây: Phát triển đến tuyến tránh quốc lộ 1A vào sau năm 2015, sáp nhập thôn Phước Khánh (xã Hòa Trị), một phần thôn Ân Niên, thôn Đông Bình và toàn bộ thôn Đông Phước (xã Hòa An) và 2 thôn: Phước Lộc, Phú Lễ (xã Hòa Thành) vào thành phố Tuy Hòa; dự kiến, đến năm 2020, diện tích tự nhiên thành phố: $S_{\text{tự nhiên}} = 142,47\text{km}^2$.

b) Đơn vị hành chính:

Chuyển xã Bình Ngọc thành phường; tách phường 9 thành phường Phước Hậu và phường 9 (mới); tách xã An Phú thành phường và xã mới; tách xã Bình Kiến thành phường và xã mới (gồm thôn Liên Trì 2, Phú Vang); sáp nhập một phần diện tích xã Hòa An, Hòa Trị, Hòa Thành vào các xã, phường lân cận; dự kiến, đến năm 2020, thành phố có 19 đơn vị hành chính: 16 phường và 3 xã.

c) Phát triển kinh tế xã hội theo vùng:

- Khu vực nội thành: Đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, chỉnh trang đô thị, phân khu chức năng, sắp xếp lại các khu dân cư hợp lý, đẩy mạnh phát triển các hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch, công nghiệp; xây dựng vùng có cơ cấu kinh tế dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp, trong đó công nghiệp phát triển theo hướng công nghiệp sạch, công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn.

- Khu vực ngoại thành: Triển khai thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) “Về nông nghiệp, nông dân và nông thôn”; xây

dựng mô hình nông thôn kiểu mới, hiện đại, có mối quan hệ phát triển gắn kết chặt chẽ với vùng đô thị.

+ Về nông nghiệp: Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, chuyển đổi diện tích lúa 1 vụ kém hiệu quả sang trồng rau màu (đu đủ, ớt, dưa leo, khổ qua phủ bạc, cây bắp lai...), phát triển đa dạng các đối tượng vật nuôi (bò, heo, nai, nhím...); tăng cường khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; ứng dụng đồng bộ, hiệu quả tiến bộ khoa học kỹ thuật, các mô hình sản xuất tiên tiến IMP, VAC, VACR... vào sản xuất; tiếp tục thực hiện các dự án phát triển nông nghiệp-nông thôn đã xây dựng;

+ Về nông dân: Nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư, thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo, xoá nhà ở tạm, các chương trình mục tiêu quốc gia, tạo điều kiện để nông dân tham gia đóng góp và hưởng lợi nhiều hơn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đảm bảo cơ bản điều kiện học tập, chữa bệnh, sinh hoạt văn hóa, thể dục, thể thao gần tới mức các vùng đô thị trung bình; phối hợp với các trường, trung tâm dạy nghề của tỉnh tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghề nghiệp cho nông dân, xây dựng đội ngũ nông dân chất lượng cao, nắm vững, đi đầu trong việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; tiếp tục nhân rộng và phát triển các ngành nghề mới nhằm giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, ổn định thu nhập, nâng cao mức sống;

+ Về nông thôn: Quan tâm đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng, đẩy mạnh đầu tư nâng cấp, bê tông hóa giao thông nông thôn, hệ thống thủy lợi, kênh mương nội đồng đảm bảo chủ động tưới tiêu toàn bộ diện tích đất lúa hai vụ, rau màu; xây dựng các công trình cấp nước sạch...; tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, giữ vững ổn định chính trị - an ninh, trật tự, xây dựng vùng nông thôn lành mạnh; quan tâm tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức và thực hiện bảo vệ môi trường.

7. Định hướng sử dụng đất và bảo vệ môi trường:

a) Định hướng về sử dụng đất:

Theo phương án mở rộng không gian thành phố Tuy Hòa, diện tích tự nhiên thành phố sẽ tăng thêm 14.250ha; định hướng tổng quát về sử dụng đất đến năm 2020:

- Đất nông nghiệp: chiếm 50,9% tổng diện tích đất tự nhiên;
- Đất phi nông nghiệp: chiếm 48,5% tổng diện tích đất tự nhiên;
- Đất chưa sử dụng: chiếm 0,63% tổng diện tích đất tự nhiên.

b) Bảo vệ môi trường:

- Mục tiêu: Xây dựng thành phố Tuy Hòa thành nơi có môi trường tốt, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường; tạo ý thức cộng đồng thường xuyên bảo vệ môi trường, sống thân thiện với thiên nhiên; ngăn ngừa mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học; khắc phục ô nhiễm môi trường, trước hết ở những nơi đã bị ô nhiễm, từng bước nâng cao chất lượng môi trường;

- Nhiệm vụ:

+ Tăng cường điều tra, khảo sát chất lượng môi trường tại các khu công nghiệp, khu du lịch, các nhà máy và cơ sở sản xuất; xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường; kiên quyết đình chỉ hoạt động hoặc buộc di dời những cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng mà không có giải pháp khắc phục hiệu quả;

+ Phối hợp, tạo điều kiện đầu tư lập mạng lưới quan trắc môi trường - khí hậu, thường xuyên khảo sát hiện trạng môi trường ở các khu vực nhạy cảm, đánh giá đúng xu hướng biến đổi môi trường - khí hậu;

+ Có biện pháp chấm dứt nạn đổ rác, xả nước thải chưa qua xử lý vào các sông, kênh, rạch, ao, hồ; cải thiện tích cực tình trạng vệ sinh công cộng, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm;

+ Hạn chế hợp lý mức độ gia tăng các phương tiện giao thông cá nhân, thực hiện các biện pháp giảm khí độc, khói, bụi thải từ các phương tiện giao thông và trong thi công xây dựng;

+ Hạn chế sử dụng hoá chất trong nông nghiệp; bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên, đẩy mạnh trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi trọc; tăng số lượng, và tăng cường chăm sóc cây xanh đường phố, các công viên, hình thành các thảm cây xanh.

8. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư: Xem Biểu 2 - Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

9. Một số giải pháp thực hiện quy hoạch:

a) Giải pháp về vốn đầu tư:

- Nhu cầu vốn đầu tư: Nhu cầu vốn đầu tư phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2006-2020 ước khoảng 68,7 nghìn tỷ đồng (tương đương khoảng 3,52 tỷ USD); trong đó: giai đoạn 2006-2010: 6,3 nghìn tỷ đồng; giai đoạn 2011-2015: 15,7 nghìn tỷ đồng; giai đoạn 2016-2020: 46,6 nghìn tỷ đồng;

- Nguồn huy động (dự kiến): Vốn ngân sách và ODA: 25-30 % tổng vốn; vốn doanh nghiệp, nhân dân và FDI: 55-60%; vốn tín dụng thương mại: 10-15%.

b) Giải pháp về đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực:

- Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục - đào tạo, tạo sự quan tâm của cộng đồng xã hội, thực hiện thí điểm cổ phần hóa một số trường mầm non, phổ thông công lập;

- Kiến nghị và phối hợp đầu tư chiều sâu và phát huy vai trò của các trường đào tạo trên địa bàn, tập trung đào tạo công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ lành nghề có trình độ chuyên môn kỹ thuật và tay nghề cao đủ khả năng tiếp cận và sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh, thành phố và tham gia xuất khẩu;

- Khuyến khích học tập sau đại học; thực hiện đãi ngộ, sử dụng cán bộ, công chức, quản lý doanh nghiệp... nhằm tận dụng một cách có hiệu quả nguồn nhân lực đã được đào tạo trong xã hội; đồng thời, rà soát sắp xếp lại các bộ máy của thành phố theo hướng tinh gọn, hiệu quả; có các chính sách thu hút sử dụng hiệu quả chuyên gia giỏi trong nước, việt kiều và nước ngoài.

c) Giải pháp về khoa học - công nghệ:

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về khoa học - công nghệ, đổi mới tổ chức, hoạt động quản lý khoa học - công nghệ theo Luật Khoa học và công nghệ;

- Phối hợp tổ chức đa dạng các loại hình chợ công nghệ, trung tâm giới thiệu, trao đổi sản phẩm khoa học - công nghệ; khuyến khích các doanh nghiệp khai thác, sử dụng các sáng chế, giải pháp hữu ích để đưa công nghệ tiên tiến vào sản xuất và đời sống; thương mại hoá các sản phẩm khoa học - công nghệ;

- Nâng cao nhận thức về vai trò và vị trí của đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ, cải thiện phương tiện, trang bị làm việc cho cán bộ khoa học - công nghệ; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ; tăng cường đầu tư cho khoa học công nghệ.

d) Giải pháp về quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất:

Xây dựng, thực hiện đồng bộ các quy hoạch có liên quan đến sử dụng đất; đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm chuyển đổi, sang nhượng, lấn chiếm, xây dựng trái phép đất công.

e) Giải pháp về bảo vệ môi trường, phát triển bền vững:

Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường; xã hội hóa các hoạt động bảo vệ môi trường; tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; đầu tư nguồn lực cho bảo vệ môi trường; huy động tối đa nguồn vốn từ các chủ thể xã hội, trong đó hàng năm thành phố cần dành khoảng 1%-2% tổng chi ngân sách cho các hoạt động bảo vệ môi trường.

f) Giải pháp cơ chế, chính sách:

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các cơ chế chính sách, các cơ chế huy động vốn Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành thống nhất cho thành phố thực hiện để đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng; đồng thời, phối hợp các sở, ban, ngành tỉnh xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Trung ương cho phép áp dụng thêm cơ chế chính sách nhằm tạo bước đột phá, thúc đẩy tăng trưởng nhanh:

- Chính sách ưu đãi, thu hút đặc biệt đối với đội ngũ chuyên gia, trí thức chất lượng chuyên môn cao về làm việc tại thành phố; mở rộng thực hiện đào tạo sau đại học;

- Đơn giản các thủ tục có liên quan đến thuê đất, cấp phép xây dựng, vay vốn, thế chấp tài sản... thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp trong, ngoài nước;

- Chính sách ưu đãi đầu tư vào khu đô thị Nam thành phố Tuy Hòa;

- Rà soát, xây dựng mới, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất...;

- Đầu tư mạnh và khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển vùng nông thôn ngoại thành.

g) Giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển:

Củng cố, phát triển các mối quan hệ hợp tác, liên kết giữa thành phố Tuy Hòa với các huyện trong tỉnh và một số tỉnh thành trong nước; phối hợp với tỉnh thực hiện tốt các chương trình hợp tác mà tỉnh Phú Yên đã ký kết với các tỉnh bạn (Bình Định, Khánh Hòa, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Ủy ban nhân dân thành phố Tuy Hòa: là đầu mối triển khai thực hiện quy hoạch, có trách nhiệm tổ chức công bố Quy hoạch sau khi phê duyệt; thường xuyên kiểm tra, rà soát, cập nhật, trình phê duyệt bổ sung các nội dung quy hoạch, phối hợp với các ngành liên quan cụ thể hóa thành các kế hoạch 5 năm, hàng năm; thực hiện xúc tiến đầu tư theo quy hoạch.

- Các sở, ban, ngành liên quan: theo chức năng phối hợp cùng Ủy ban nhân dân thành phố Tuy Hòa để thực hiện Quy hoạch.

Điều 2. Các ông: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; chủ quy hoạch (UBND thành phố Tuy Hòa); UBND các huyện: Tuy An, Phú Hòa, Đông Hòa; Thủ trưởng các cơ quan liên quan, chịu trách nhiệm thi hành./.

CHỦ TỊCH

Phạm Đình Cự

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 1551/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2010
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Biểu 1 - Các chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu đến năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2009	Kế hoạch		
				Năm 2010	Năm 2015	Năm 2020
I	Các chỉ tiêu kinh tế					
1	Giá trị gia tăng (VA) bình quân đầu người	US D	1.193	1.446	2.870,7	5.037
2	Tốc độ tăng trưởng VA bình quân hàng năm	%	GD 2006-2009	GD 2006-2010	GD 2011-2015	GD 2016-2020
			21,5	21,8	20,0	20,0
	<i>Công nghiệp - Xây dựng</i>	%	24,7	24,8	19,7	16,5
	<i>Nông lâm ngư nghiệp</i>	%	5,0	5,11	5,05	5,0
	<i>Dịch vụ</i>	%	23,6	23,91	22,4	24,0
3	Cơ cấu kinh tế theo ngành	%	100	100	100	100
	<i>Công nghiệp - Xây dựng</i>	%	49,4	49,9	49,7	43,4
	<i>Nông lâm ngư nghiệp</i>	%	10,6	9,1	4,7	2,5
	<i>Dịch vụ</i>	%	40,0	40,9	45,6	54,1
4	Tốc độ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm	%		15,4	17,5	21
5	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội so với giá trị VA	%		70	75	80
6	Độ mở nền kinh tế với thị trường trong nước	%		96	97	98
II	Các chỉ tiêu xã hội					
1	Tổng dân số	1.000 ng		152,5	161	225
2	Dân số thành thị	%		82	84,4	87
3	Dân số trong độ tuổi lao động/tổng dân số	%		57,8	58,5	59,1
4	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%		80	85	91,5
5	Tỷ lệ thất nghiệp	%		4	3,5	<3,5
6	Tỷ lệ thời gian sử dụng lao động ở nông thôn	%		>60	>70	>90
7	Tỷ lệ hộ nghèo	%		4	<2	Cơ bản không còn hộ nghèo
8	Tỷ lệ lao động được đào	%		45	61	75

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2009	Kế hoạch		
				Năm 2010	Năm 2015	Năm 2020
	tạo					
9	Tỷ lệ gia đình văn hóa	%		89	90	>92
10	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng < 5 tuổi	%		10	5	<2
11	Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng mở rộng	%		100	100	100
12	Tỷ lệ tử vong trẻ em sơ sinh	%		0,1	0,05	<0,05
13	Số bác sĩ/vạn dân	ngư ời		17,5	22	35
14	Số giường bệnh/vạn dân	ngư ời		58	70	100
15	Mật độ sử dụng điện thoại	Máy /100 dân		32	50	70
16	Tỷ lệ dân số sử dụng internet/dân số	%		23	35	40
III	Các chỉ tiêu môi trường					
1	Tỷ lệ che phủ của rừng	%		50	47	47
2	Tỷ lệ dân số thành thị sử dụng nước sạch	%		98	100	100
3	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch	%		80	90	100
4	Tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt khu vực đô thị	%		90	95	100
5	Tỷ lệ các cơ sở sản xuất xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn	%		80	100	100
6	Tỷ lệ hộ gia đình có công trình vệ sinh	%		88	100	100

**DANH MỤC MỘT SỐ DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ TUY HÒA
GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 1551/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

TT	Chương trình, dự án	Địa điểm	Quy mô	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn
I	Các dự án do thành phố đầu tư (Tỉnh hỗ trợ và phối hợp)				
1	Công viên Vạn Kiếp	Phường 6		20	Ngân sách
2	Tôn tạo khu di sản sinh thái cảnh quan Nhạn Tháp và mở rộng công viên Núi Nhạn	Phường 1		20	Ngân sách
3	Công viên Hồ Sơn	Phường 9		20	Ngân sách
4	Công viên Liên Trì	Xã Bình Kiến		30	Ngân sách và huy động
5	Nhà máy xử lý chất thải thành phố	Xã Hòa Kiến		100	Ngân sách và huy động
6	Bãi rác tập trung thành phố		30ha	10	Ngân sách và huy động
7	Phát triển hệ thống thoát nước và quản lý nước thải thành phố	Các xã, phường		50	Ngân sách và huy động
8	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng hệ thống lưới điện chiếu sáng đô thị		45 km	100	Ngân sách và huy động
9	Kè làng hoa Ngọc Lãng	Xã Bình Ngọc		30	Ngân sách
10	Đường Trần Phú kết nối với quốc lộ 1A mới	Các phường: 2, 8	2,8 km	30	Ngân sách
11	Đường Nguyễn Hữu Thọ kết nối với quốc lộ 1A mới	Phường 9		30	Ngân sách
12	Đầu tư nâng cấp, khai thông các tuyến đường ngang, dọc khác trong nội thành	Các phường		500	Ngân sách
11	Cầu bắt qua Sông Chùa	Nguyễn Trãi đến thôn Ngọc Lãng		15	Ngân sách
12	Bê tông vỉa hè, hẻm phố và giao thông nông thôn	Các xã, phường		20	Ngân sách và huy động
13	Kiên cố hóa hệ thống kênh mương tưới, tiêu nội đồng, đại tu các trạm bơm nông nghiệp		25 km	30	Ngân sách
14	KCHT Điểm công nghiệp sạch Gò Đất Thánh	Xã An Phú	10,00	15	Ngân sách và huy động

TT	Chương trình, dự án	Địa điểm	Quy mô	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn
15	KCHT Cụm tiểu thủ công nghiệp Hòa Kiến	Xã Hòa Kiến	4,00	15	Ngân sách và huy động
16	Cụm công nghiệp đóng và sửa chữa tàu thuyền	Phường Phú Đông	10ha	15	Ngân sách và huy động
17	Hỗ trợ xây dựng KCHT làng nghề đan lát Ngọc Phong - Minh Đức	Xã Hòa Kiến		8	Ngân sách và huy động
18	Trường dạy nghề Thành phố	Phường 7		10	Ngân sách
19	Nâng cấp, mở rộng hệ thống các trường mầm non, tiểu học, THCS đạt chuẩn quốc gia	Toàn thành phố		100	Ngân sách
20	Cải tạo nâng cấp hệ thống chợ: chợ Phường 6; chợ Xéo; chợ Màng Màng...	Các xã, phường		50	Ngân sách và huy động
21	Cải tạo, nâng cấp chợ đầu mối nông sản Hòa An	Xã Hòa An	5ha	30	Ngân sách và huy động
22	Khu dịch vụ vận tải tổng hợp	Xã An Phú	35ha	50	Các thành phần kinh tế
23	Các bãi đỗ xe	Xã Bình Kiến, phường Phú Lâm	5 - 10ha/bãi	40	Các thành phần kinh tế
24	Thư viện thiếu nhi thành phố			5	Ngân sách
25	Đài tưởng niệm liệt sỹ; Bia tưởng niệm di tích nhà tù Ngọc Lãng			5	Ngân sách
26	Cải tạo và xây dựng trung tâm văn hóa các xã	các xã		8	Ngân sách và huy động
27	Các dự án khác				
II	Các dự án do Trung ương và tỉnh đầu tư trên địa bàn thành phố Tuy Hòa (Thành phố phối hợp)				
1	Kè dọc bờ Nam sông Đà Rằng	Các phường: Phú Lâm, Phú Đông		188	Ngân sách
2	Kè bờ biển thành phố Tuy Hòa	Đông Tác - Long Thủy	15km	150	Ngân sách
3	Trung tâm dịch vụ hậu cần Cá Ngừ Phú Yên	Cảng cá phường 6	1.000 tàu	45	Ngân sách và huy động
4	Tuyến đường cao tốc nối sân bay Tuy Hòa - Gành đá đĩa	Đoạn qua thành phố	6 làn xe	200	ODA, FDI...

TT	Chương trình, dự án	Địa điểm	Quy mô	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn
5	Cầu - đường Hùng Vương kéo dài	Các phường: 6, Phú Thạnh		100	Ngân sách
6	Nâng cấp, mở rộng sân bay Tuy Hòa	Phường Phú Thạnh	4C	1.700	Ngân sách
7	Nâng cấp hệ thống ga đường sắt Bắc Nam	Đoạn qua thành phố	Ga Tuy Hòa, Đông Tác	300	Ngân sách
8	Ga và đường sắt Tuy Hòa - Tây Nguyên	Đoạn qua thành phố	DT nhà ga 30ha	5.000	Ngân sách và huy động
9	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp thoát nước	Toàn thành phố		100	
10	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Nam Tuy Hòa	Phường Phú Lâm	394ha	800	Ngân sách và huy động
11	Bệnh viện đa khoa tỉnh (gồm cả Trung tâm giám định y khoa, Trung tâm pháp y, Trung tâm phòng chống bệnh nội tiết)	Đường Nguyễn Hữu Thọ - phường 7	700 giường	210	Ngân sách và huy động
12	Bệnh viện chuyên khoa lao và bệnh phổi	Xã Bình Kiến	150 giường	50	Ngân sách và huy động
13	Bệnh viện chuyên khoa tâm thần	hoặc xã Hòa Kiến	150 giường	50	Ngân sách và huy động
14	Nâng cấp, mở rộng BV điều dưỡng và phục hồi chức năng	Xã An Phú	150 giường	20	Ngân sách và huy động
15	Nâng cấp, mở rộng bệnh viện Da liễu	Phường 8 (TT Da liễu)	100 giường	20	Ngân sách và huy động
16	Nâng cấp, sửa chữa Bệnh viện thành phố	Phường Phú Lâm	100 giường	20	Ngân sách và huy động
17	Bệnh viện chuyên khoa sản, chuyên khoa nhi	Phường 6 (cải tạo BV Đa khoa trung tâm tỉnh cũ)	400 giường	20	Ngân sách và huy động
18	Các Trung tâm: Răng hàm mặt; Chăm sóc sức khỏe sinh sản; Phòng chống HIV/AIDS; Chi cục dân số KHHGD	Phường 6 (cải tạo BV đa khoa trung tâm tỉnh cũ)		20	Ngân sách và huy động
19	Bệnh viện chuyên khoa Mắt	Đường Nguyễn Thái Học -	50 giường	25	Ngân sách và huy động

TT	Chương trình, dự án	Địa điểm	Quy mô	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn
		phường 5			
20	Các trung tâm: Kiểm nghiệm dược và mỹ phẩm; Kiểm dịch y tế quốc tế; Truyền thông giáo dục sức khỏe	Các phường: 9, Phú Lâm, Phú Thạnh;		20	Ngân sách và huy động
21	Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm	Phường 9		10	Ngân sách và huy động
22	Phòng khám đa khoa khu vực thành phố	Mở rộng TYT Bình Kiên	30 giường	10	Ngân sách và huy động
23	Các Trung tâm: Y tế dự phòng thành phố; kế hoạch hóa gia đình Thành phố	Các phường: 9, 2		15	Ngân sách và huy động
24	Nâng cấp, xây mới các trạm y tế xã, phường	Các phường: Phú Thạnh, Phú Đông, Phú Lâm, Phước Hậu và các xã, phường khác	Xây mới 4 TYT, sửa chữa các TYT còn lại	30	Ngân sách và huy động
25	Nâng cấp mở rộng các trường THPT đạt chuẩn quốc gia	Các phường; xã		50	Ngân sách
26	Nâng cấp, mở rộng Trường Đại học Phú Yên	Phường 7	10.000HS	200	Ngân sách và huy động
27	Nâng cấp Trường Cao đẳng công nghiệp thành Trường đại học Công Nghiệp Tuy Hòa	Các phường: 7, 8	10.000HS	300	Ngân sách và huy động
28	Nâng cấp Trường Cao đẳng xây dựng 3, thành Trường Đại học Xây dựng Miền Trung	Phường 7	10.000HS	300	Ngân sách và huy động
29	Mở rộng và Nâng cấp Trường TH y tế, thành Trường Cao đẳng y tế	Phường 6	500-1000HS	30	Ngân sách và huy động
30	Trung tâm thể dục thể thao cấp tỉnh	Đông Bắc đường Hùng Vương	32ha	50	Ngân sách
31	Các dự án khác				
III	Các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế; các dự án gọi vốn đầu tư...				
1	Hệ thống các Trung tâm thương mại, siêu thị	Các phường: 7, 9, Phú Lâm		240	Các thành phần kinh tế, FDI...

TT	Chương trình, dự án	Địa điểm	Quy mô	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn
2	Cụm công nghiệp hàng không Tuy Hòa	Phường Phú Thạnh	649ha	600	nt
3	Khu công nghiệp công nghệ cao		139ha	150	nt
4	Khu du lịch bãi biển Tuy Hòa	Phường 7		500	nt
5	Khu du lịch liên hợp cao cấp Phú Yên	Xã An Phú	565 ha	1.000	nt
6	Khu du lịch sinh thái Đá Bàn	Xã Hòa Kiến		50	nt
7	Hệ thống khách sạn, nhà hàng	Độc đường Bạch Đằng, QL25, đường Độc Lập		700	nt
8	Nhà máy chế biến thực phẩm	Xã An Phú	10.000 tấn/năm	150	nt
9	Hệ thống các bưu cục, viễn thông và tổng đài	Toàn thành phố		100	nt
10	Di dời các nhà máy công nghiệp ô nhiễm trong nội thành ra ngoại thành		100	nt	
11	Làng du lịch quốc tế ven biển	Các phường 7, An Phú		500	nt
12	Trồng rừng sinh thái, công viên sinh vật và du lịch núi Chóp Chài	Xã Bình Kiến - Hòa Kiến		50	nt
13	Trồng rừng phát triển rừng kinh tế	Xã Hòa Kiến, Xã An Phú		10	nt
14	Bệnh viện đa khoa quốc tế Phú Yên	Phường 9	500 giường	350	nt
15	Bệnh viện sản, nhi tư nhân		500 giường	350	nt
16	Trung tâm chẩn đoán y khoa	Phường 5	2660 m ²	40	nt
17	Các trường mầm non, phổ thông dân lập, tư thực...	Các xã, phường		100	nt
18	Các dự án sản xuất kinh doanh khác				nt
IV	Các dự án khác hỗ trợ theo chương trình mục tiêu của Chính phủ, các tổ chức quốc tế				